Thứ Tư, Ngày 23 Tháng 10 Năm 2024

# Chứng khoán Việt Nam

## Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

**Báo cáo ngày**

**Xu hướng thị trường:**

### *Thế trận giằng co*

▶ Trong phiên giao dịch ngày thứ Tư, quán tính giảm điểm mạnh phiên hôm qua đã gây ra áp lực rung lắc ở phiên sáng, tập trung tại nhóm cổ phiếu Bluechips như VHM, VPB, HPG. Lực mua xuất hiện ở phiên chiều, song thanh khoản ở mức yếu cho thấy phần đông nhà đầu tư cầm tiền vẫn "ngại" mua lên ở vùng này.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 1.01 điểm (+0.08%), đạt 1,270.90 điểm; HNX-Index tăng 1 điểm (+0.44%), đạt 226.50 điểm. Thanh khoản thị trường đạt 14.0 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 589.9 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại mua ròng 9.23 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở TCB, STB và MSN.

▶ VIC (+2.37%), FPT (+0.83%), STB (+2.29%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. VHM (-2.59%), BID (-0.72%), HPG (-0.75%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

▶ Vận tải, Thực phẩm, Nguyên vật liệu, và Quản lý Bất động sản là các nhóm ảnh hưởng lớn nhất đến đà tăng của thị trường trong phiên hôm nay. Các mã tiêu biểu: ACV, MCH, VIC.

▶ Góc nhìn kỹ thuật: Thị trường xuất hiện phiên phục hồi kỹ thuật sau 4 phiên giảm điểm liên tiếp và lấy lại mốc 1,270 điểm. Vận động trong phiên ở biên độ hẹp, thanh khoản ở mức thấp cho thấy áp lực bán chưa quá lớn song trạng thái của phe mua còn yếu. Nhóm bất động sản gây chú ý với sự gia tăng về thanh khoản. Xu hướng của thị trường vẫn tiếp tục tích lũy ở biên độ lớn quanh 1,270 – 1,300. Hỗ trợ gần nhất của thị trường là ở mức 1,260. Trong trường hợp tiếp tục vi phạm mốc EMA50, chỉ số sẽ quay về kiểm định lại vùng điểm 1,240-1,250 tương ứng EMA 200.

Chiến lược: Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái nắm giữ khi thị trường vẫn trong trạng thái đi ngang. Khuyến nghị mua cần chờ đợi thị trường giảm về vùng 1,270 và có hướng bật tăng trở lại hoặc đợi vượt hẳn 1,300.




**Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam**

| Index | Giá | %1D | %1M | %1Yr. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VN-Index | 1,271 | 0.1 | 0.2 | 16.2 | 15.6 | 1.7 | 5,224,159 |
| VN30 Index | 1,350 | 0.1 | 2.2 | 21.9 | 12.4 | 1.7 | 3,685,289 |
| VN Midcap | 1,894 | 0.5 | 0.0 | 20.7 | 16.8 | 1.6 | 1,002,260 |
| VN Smallcap | 1,401 | 0.4 | -0.8 | 9.3 | 20.2 | 1.0 | 255,642 |
| HNX Index | 227 | 0.4 | -2.9 | 0.1 | 18.0 | 1.2 | 294,845 |
| UpCom | 92 | 0.4 | -1.6 | 8.0 | 13.4 | 1.8 | 1,448,300 |

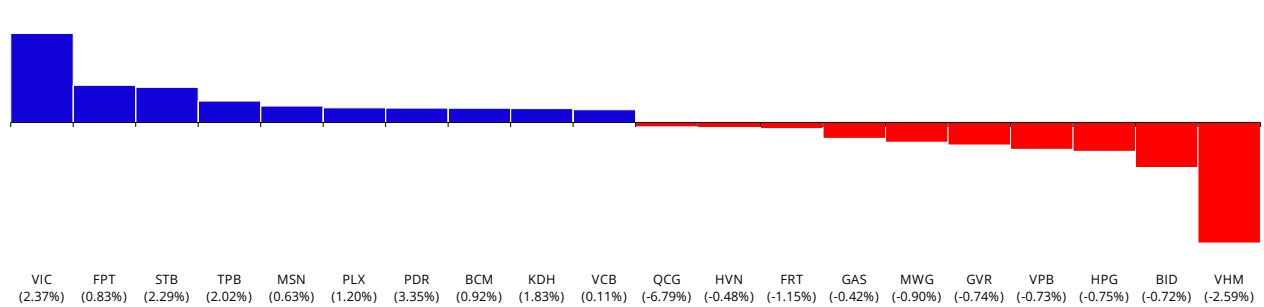
**Nhóm ngành**

| Nhóm ngành | %1D | %1M | %YTD | %1 YR. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Bán lẻ | -0.9 | -3.1 | 46.2 | 1.5 | 266.7 | 4.2 | 136,028 |
| Bảo hiểm | 0.1 | -1.1 | 7.7 | 6.7 | 14.3 | 1.4 | 43,903 |
| Bất động sản | 0.3 | 0.6 | -1.2 | 1.7 | 14.4 | 1.3 | 729,501 |
| CNTT | 0.7 | 0.9 | 56.5 | 65.9 | 31.1 | 6.1 | 214,837 |
| Dầu khí | 1.1 | -5.9 | 42.7 | 12.7 | 24.0 | 2.6 | 68,116 |
| Dịch vụ tài chính | 0.4 | -0.4 | 9.8 | 25.9 | 22.3 | 1.9 | 198,931 |
| Tiện ích | -0.2 | -2.2 | -1.5 | -4.5 | 15.3 | 1.9 | 295,388 |
| Du lịch và Giải trí | 0.0 | -1.8 | 16.9 | 24.1 | n.a | 30.1 | 113,026 |
| Hàng & DV CN | -0.4 | -1.1 | 8.5 | 12.8 | 15.0 | 1.7 | 141,761 |
| Hàng CN & Gia dụng | 0.6 | -3.8 | 12.4 | 19.4 | 15.6 | 1.9 | 58,716 |
| Hóa chất | -0.3 | -4.9 | 35.2 | 42.1 | 28.4 | 2.2 | 240,741 |
| Ngân hàng | 0.0 | 2.4 | 20.1 | 25.1 | 10.4 | 1.7 | 2,113,311 |
| Ô tô và phụ tùng | -0.8 | -5.5 | 1.1 | 6.1 | 17.8 | 1.2 | 14,774 |
| Tài nguyên Cơ bản | -0.5 | 2.0 | 1.4 | 16.8 | 37.0 | 1.5 | 217,700 |
| Th.phẩm & Đồ uống | 0.4 | -1.2 | 3.6 | 3.5 | 25.8 | 2.8 | 447,472 |
| Truyền thông | -1.6 | 4.6 | -20.4 | -9.1 | 26.7 | 0.9 | 1,704 |
| Xây dựng và Vật liệu | 0.5 | -1.0 | -1.8 | 10.1 | 25.3 | 1.4 | 123,404 |
| Y tế | 0.1 | -3.1 | 11.0 | 7.0 | 15.1 | 2.1 | 38,434 |

**Tiền tệ và hàng hóa**

| | Tỷ giá | %1D | %1W | %1M | %3M | %YTD | %1Yr. |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 104 | 0.2 | 0.7 | 3.4 | -0.2 | 2.9 | -1.2 |
| USD/JPY | 153 | 0.9 | 1.9 | 6.2 | -2.0 | 8.1 | 1.9 |
| USD/CNY | 7 | 0.0 | 0.1 | 1.1 | -2.0 | 0.4 | -2.5 |
| KRW/USD | 1,383 | 0.4 | 1.3 | 3.6 | -0.2 | 7.3 | 2.1 |
| EUR/USD | 1 | 0.1 | 0.7 | 3.0 | 0.6 | 2.3 | -1.1 |
| USD/VND | 25,417 | 0.0 | 1.7 | 3.2 | 0.2 | 4.7 | 3.4 |
| Dầu Thô | 71 | -1.0 | 0.9 | 1.0 | -7.7 | -0.8 | -16.9 |
| Xăng | 237 | 14.4 | 16.2 | 19.1 | -1.8 | 12.8 | 1.8 |
| Khí đốt | 2 | -0.9 | -3.2 | -12.3 | 4.8 | -8.9 | -21.7 |
| Than | 145 | -0.6 | -0.9 | 3.7 | 7.2 | -1.2 | 4.9 |
| Vàng | 2,756 | 0.3 | 3.1 | 4.8 | 14.4 | 33.6 | 39.7 |
| Thép cuộn | 3,489 | -0.1 | -3.7 | 11.3 | -2.9 | -14.4 | -7.4 |

**Đóng góp vào VN Index**





**[Analyst ]**
**Phuc Nguyen**
☎ (84-28) 6299 - 8025
✉ phuc.nlh@shinhan.com

**[Analyst ]**
**Nien Nguyen**

**[Analyst ]**
**Huong Le**


Theo dõi Zalo của SSV
để cập nhật báo cáo mới nhất

Quét mã QR hoặc
click để theo dõi

# Điểm tin thị trường

## Tin tức nổi bật

**1. PVT – Dầu khí:** Thực hiện chiến lược đa dạng hóa đội tàu và mở rộng thị trường quốc tế, PVT đã liên tục bổ sung nhiều tàu mới, hiện đại vào đội tàu.

**2. DXG – Bất động sản:** DXG và DXS đã tổ chức họp công bố kết quả kinh doanh quý 3/2024 và 9 tháng đầu năm. DXG, lãi ròng Q3 sơ bộ đạt 31 tỷ đồng, giảm 6% so quý trước; lãi 9 tháng đạt 95 tỷ đồng, giảm 26%.

**3. SK Group – Viễn thông:** Tập đoàn SK đã mua lại cổ phần của Công ty TNHH sản xuất ISCVina, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh chất bán dẫn tại Khu công nghiệp Bá Thiện 2, Vĩnh Phúc.

**4. LAS – Hóa chất:** Doanh thu quý 3 của LAS đi ngang so với cùng kỳ, đạt 812 tỷ đồng. Tuy nhiên, giá vốn lại giảm 2% còn 687 tỷ đồng, nhờ mua được những lô nguyên liệu có giá hợp lý.

**5. SAS – Dịch vụ tiêu dùng:** SAS - dưới sự dẫn dắt của Chủ tịch Johnathan Hạnh Nguyễn - ghi nhận lãi ròng hàng quý cao nhất lịch sử với 181 tỷ đồng trong quý 3/2024, tăng 38% so với cùng kỳ.

**6. PAN – Hàng tiêu dùng:** Quý 3/2024, Tập đoàn ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất 5,083 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ. Lãi ròng đạt 186 tỷ đồng, tăng 89%.

**7. BMP – Công nghiệp:** Ngày 14/11 sẽ chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 57.4%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận 5.740 đồng.

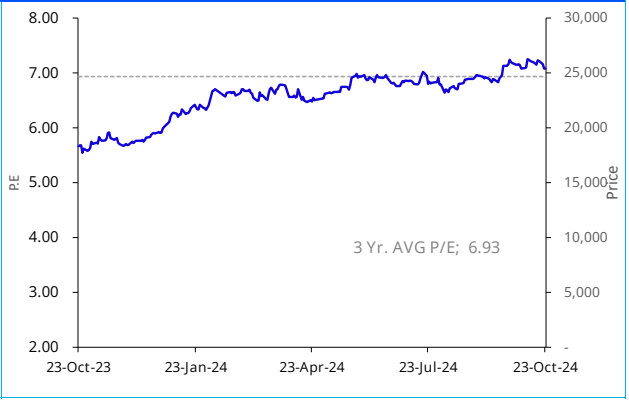
**8. STK – Hàng tiêu dùng:** STK công bố KQKD quý 3/2024 với doanh thu giảm 19% so cùng kỳ nhưng lợi nhuận sau thuế tăng trưởng mạnh 392%.

**9. MCM – Hàng tiêu dùng:** Nhu cầu tiêu dùng suy giảm đã kéo theo lợi nhuận quý III/2024 của MCM sụt giảm 55% so với cùng kỳ. MCM ghi nhận doanh thu đạt 739.6 tỷ đồng, giảm hơn 9% so với cùng kỳ năm ngoái

## Cổ phiếu nổi bật trong ngày

**Ngân hàng TMCP Á Châu – ACB**

**ACB – Ngân hàng:** ACB lên kế hoạch phát hành riêng lẻ lượng trái phiếu có quy mô 45.000 tỷ đồng trong năm 2024 – mức cao kỷ lục trong lịch sử hoạt động của nhà băng này.






Shinhan Securities

# Xu hướng dòng tiền

**Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)**

| STT | Nhóm ngành | % Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần | 10/22/2024 | 10/23/2024 | TB 1 tuần | Xu hướng 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bất động sản | 30.9 | 2,863 | 3,615 | 2,762 | |
| 2 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 11.7 | 194 | 155 | 138 | |
| 3 | Hàng cá nhân & Gia dụng | 5.0 | 215 | 153 | 146 | |
| 4 | Xây dựng và Vật liệu | 1.6 | 683 | 542 | 534 | |
| 5 | Bán lẻ | -5.6 | 948 | 569 | 602 | |
| 6 | Bảo hiểm | -8.6 | 14 | 14 | 15 | |
| 7 | Thực phẩm và đồ uống | -10.2 | 1,233 | 929 | 1,034 | |
| 8 | Công nghệ Thông tin | -12.0 | 855 | 432 | 492 | |
| 9 | Tài nguyên Cơ bản | -16.6 | 767 | 585 | 702 | |
| 10 | Du lịch và Giải trí | -20.5 | 151 | 102 | 129 | |
| 11 | Hóa chất | -24.8 | 964 | 432 | 575 | |
| 12 | Ngân hàng | -24.9 | 5,541 | 3,497 | 4,657 | |
| 13 | Dịch vụ tài chính | -25.5 | 2,090 | 1,245 | 1,672 | |
| 14 | Ô tô và phụ tùng | -27.0 | 88 | 40 | 54 | |
| 15 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -28.3 | 534 | 380 | 530 | |
| 16 | Dầu khí | -30.4 | 125 | 80 | 114 | |
| 17 | Y tế | -35.5 | 47 | 31 | 48 | |

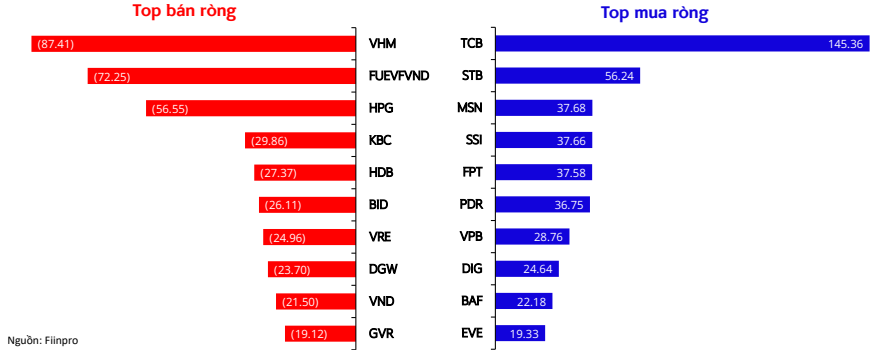
**Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần**

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % Thay đổi | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi GTGD | GTGD (VND tỷ) | Xu hướng |
| VHM | Vinhomes | Bất động sản | 47,000 | -2.6 | 4.4 | 8.8 | 227 | 1,569.8 | |
| VIC | VinGroup | Bất động sản | 43,200 | 2.4 | 4.1 | -3.1 | 250 | 218.2 | |
| DXG | Địa ốc Đất Xanh | Bất động sản | 16,600 | 2.5 | 10.3 | -14.2 | 36 | 368.6 | |
| PDR | BĐS Phát Đạt | Bất động sản | 21,600 | 3.3 | 9.6 | -14.2 | 44 | 274.5 | |
| TCB | Techcombank | Ngân hàng | 24,200 | 0.0 | 0.0 | 52.2 | 25 | 403.1 | |
| DIG | DIC Corp | Bất động sản | 20,950 | 3.5 | 4.8 | -21.7 | 40 | 246.6 | |
| VIB | VIBBank | Ngân hàng | 18,700 | -0.3 | -2.3 | 11.6 | 18 | 449.6 | |
| DPG | Tập đoàn Đạt Phương | Xây dựng và Vật liệu | 57,700 | 4.3 | 3.8 | 45.5 | 167 | 94.2 | |
| HDC | Phát triển Nhà BR-VT | Bất động sản | 27,450 | 0.9 | 8.5 | 3.5 | 71 | 129.3 | |
| PAN | Tập đoàn PAN | Thực phẩm và đồ uống | 23,700 | -0.2 | -3.9 | 17.3 | 140 | 87.8 | |
| BAF | Nông nghiệp BAF Việt Nam | Thực phẩm và đồ uống | 22,700 | 0.9 | 0.4 | 30.5 | 76 | 104.5 | |
| DGW | Thế Giới Số | Bán lẻ | 43,500 | -0.9 | -5.5 | 8.1 | 77 | 78.6 | |
| TDM | Nước Thủ Dầu Một | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 50,100 | 1.4 | 2.2 | 23.6 | 1,179 | 26.2 | |
| PNJ | Vàng Phú Nhuận | Hàng cá nhân & Gia dụng | 93,800 | 0.9 | -0.8 | 9.1 | 40 | 76.9 | |
| EVF | Tài chính Điện lực | Dịch vụ tài chính | 11,150 | 2.3 | 7.0 | -24.7 | 53 | 57.6 | |

**Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần**

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % thay đổi | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi KLGD | Khối lượng giao dịch | Xu hướng |
| DPG | Tập đoàn Đạt Phương | Xây dựng và Vật liệu | 57,700.0 | 4.3 | 3.8 | 45.5 | 3.8 | 57.70 | |
| VIC | VinGroup | Bất động sản | 43,200.0 | 2.4 | 4.1 | -3.1 | 3.3 | 43.20 | |
| VHM | Vinhomes | Bất động sản | 47,000.0 | -2.6 | 4.4 | 8.8 | 2.6 | 47.00 | |
| SMC | Đầu tư Thương mại SMC | Tài nguyên Cơ bản | 7,610.0 | 1.1 | 20.6 | -25.8 | 14.1 | 7.61 | |
| STK | Sợi Thế Kỷ | Hàng cá nhân & Gia dụng | 26,000.0 | 1.2 | 1.8 | 0.2 | 0.7 | 26.00 | |
| TNT | Tập đoàn TNT | Tài nguyên Cơ bản | 4,150.0 | 2.5 | 4.5 | -10.2 | 3.2 | 4.15 | |
| TCI | Chứng khoán Thành Công | Dịch vụ tài chính | 8,390.0 | 1.1 | 1.1 | -29.9 | 0.9 | 8.39 | |
| SJD | Thủy điện Cần Đơn | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 16,050.0 | 1.6 | 0.3 | 7.0 | 0.5 | 16.05 | |
| HCD | SX và Thương mại HCD | Hóa chất | 9,150.0 | -2.6 | -6.3 | 18.8 | -6.1 | 9.15 | |
| PAN | Tập đoàn PAN | Thực phẩm và đồ uống | 23,700.0 | -0.2 | -3.9 | 17.3 | -2.8 | 23.70 | |

**Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)**




Nguồn: Fiinpro

**Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)**

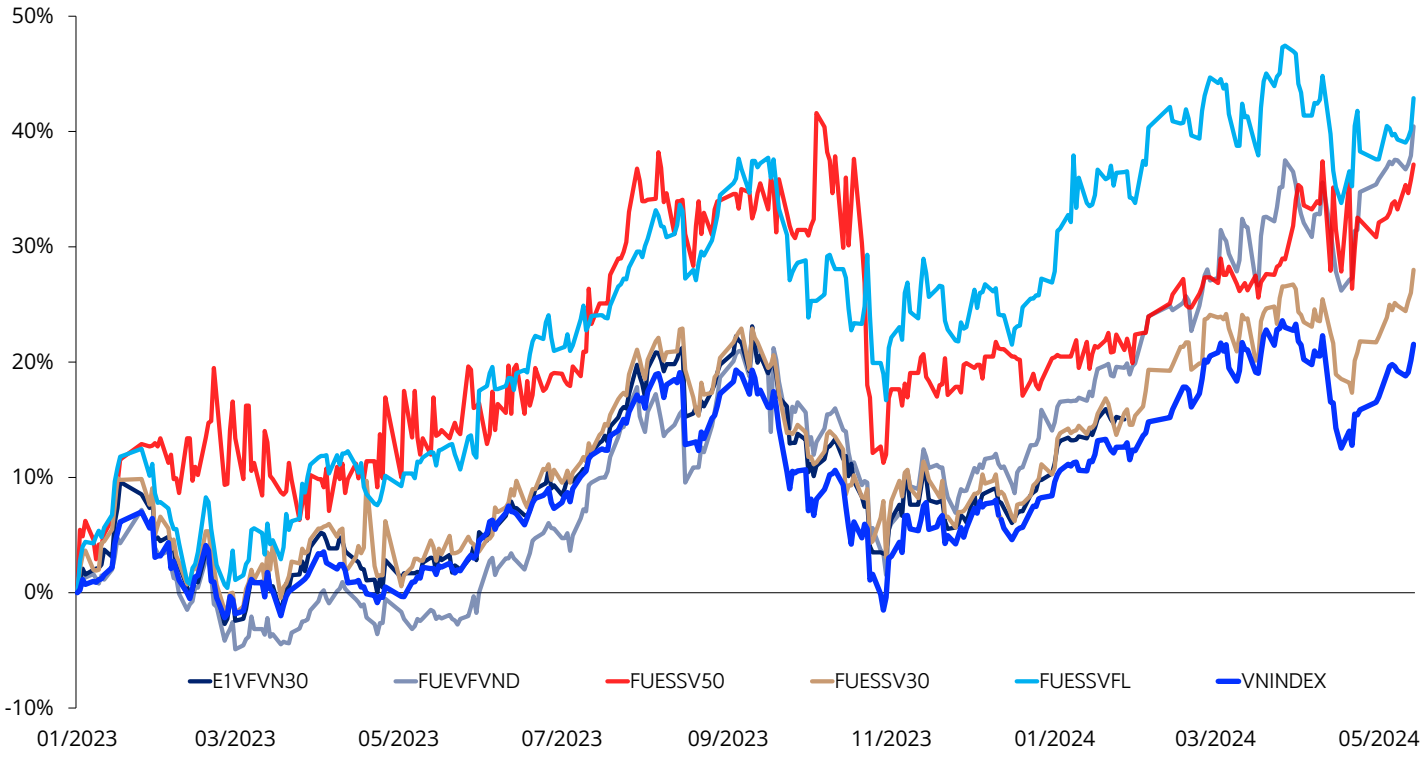
| Ngày | Mua | Bán | Mua-Bán ròng |
|---|---|---|---|
| 10/23/2024 | 1,141.8 | 1,132.5 | 9.2 |
| 10/22/2024 | 1,407.1 | 1,545.5 | -138.4 |
| 10/21/2024 | 1,226.1 | 1,495.8 | -269.7 |
| 10/18/2024 | 904.9 | 1,062.5 | -157.6 |
| 10/17/2024 | 1,381.4 | 1,785.6 | -404.3 |
| 10/16/2024 | 1,172.2 | 1,502.6 | -330.4 |
| 10/15/2024 | 1,151.2 | 1,726.4 | -575.2 |
| 10/14/2024 | 1,045.1 | 1,660.3 | -615.3 |
| 10/11/2024 | 1,539.8 | 1,847.1 | -307.3 |
| 10/10/2024 | 2,157.2 | 1,654.2 | 503.0 |
| 10/9/2024 | 2,276.6 | 2,322.9 | -46.3 |
| 10/8/2024 | 1,469.1 | 1,585.1 | -116.0 |
| 10/7/2024 | 890.7 | 1,228.0 | -337.3 |
| 10/4/2024 | 968.3 | 1,541.0 | -572.7 |
| 10/3/2024 | 1,773.7 | 1,199.8 | 573.8 |
| 10/2/2024 | 1,364.1 | 1,106.5 | 257.6 |

# Chứng chỉ quỹ ETF

## Thống kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa

| Stt | Tên quỹ | Mã chứng chỉ quỹ | Giá (VND) | %1D | %1M | YTD | KLGD | GTGD (tỷ đồng) | Thanh khoản 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | E1VFVN30 | 23,620 | -0.3% | 2.2% | 21.6% | 234,100 | 5.5 | |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | FUESSV50 | 20,240 | 0.0% | 2.0% | 21.2% | 9,700 | 0.2 | |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | FUESSVFL | 22,150 | 0.3% | 4.7% | 20.1% | 137,900 | 3.0 | |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | FUEVFVND | 33,200 | -0.2% | -0.2% | 25.6% | 609,900 | 20.1 | |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | FUEVN100 | 17,980 | -0.3% | 1.4% | 17.3% | 71,100 | 1.3 | |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | FUESSV30 | 16,870 | 0.2% | 2.2% | 20.8% | 5,500 | 0.1 | |
| 7 | MAFN VN30 ETF | FUEMAV30 | 16,210 | 0.0% | 2.3% | 20.2% | 600 | 0.0 | |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | FUEIP100 | 8,930 | -0.2% | 4.7% | 6.1% | 300 | 0.0 | |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | FUEKIV30 | 9,000 | -0.4% | 1.8% | 20.0% | 500 | 0.0 | |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | FUEDCMID | 11,950 | 1.2% | 0.5% | 9.6% | 19,400 | 0.2 | |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | FUEKIVFS | 13,080 | 1.1% | 4.7% | 23.4% | 100 | 0.0 | |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | FUEMAVND | 13,830 | 0.4% | -1.5% | 26.5% | 2,800 | 0.0 | |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FUEFCV50 | 12,210 | 1.3% | -2.5% | -4.8% | 5,000 | 0.1 | |
| 14 | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF | FUEKIVND | 12,460 | n.a | -1.0% | n.a | 100 | 0.0 | |
| 15 | Bao Viet Fund VN Diamond | FUEBFVND | n.a | n.a | n.a | n.a | 0 | n.a | |
| 16 | An Binh Fund VN Diamond | FUEABVND | 10,300 | 0.0% | 1.0% | n.a | 100 | 0.0 | |

## Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX




## Thống kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa

| Stt | Tên quỹ | Công ty quản lý | Ngày thành lập | Mô phỏng chỉ số | Tài sản (triệu USD) | Dòng vốn ròng 1M (triệu USD) | Dòng vốn ròng 3M (triệu USD) | Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%) | Độ lệch chuẩn 1Y (%) | Beta | Lợi suất cổ tức (%) | PB (x) | PE (x) | Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | DCVFM | 8/14/2014 | VN30 | 285.2 | (87,436) | (574,756) | 23.2 | 15.1 | 1.0 | 1.98 | 1.7 | 11.4 | 63.9 |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | SSIAM | 12/15/2014 | VNX50IX | 5.1 | - | - | 10.1 | 26.9 | 0.9 | 1.80 | 1.7 | 12.5 | 52.2 |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | SSIAM | 2/24/2020 | VNFL | 18.6 | (172,621) | (177,913) | 23.9 | 19.9 | 1.0 | 2.37 | 1.4 | 8.8 | 81.1 |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | DCVFM | 5/12/2020 | VND | 515.3 | 718,961 | 659,801 | 33.1 | 18.9 | 0.9 | 2.12 | 1.9 | 11.9 | 81.1 |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | Vinacapital | 6/16/2020 | VN100 | 0.013 | - | - | 22.5 | 15.7 | 0.9 | 1.72 | 1.7 | 13.0 | 45.9 |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | SSIAM | 7/27/2020 | VN30 | 6.8 | - | 16,306 | 24.0 | 17.8 | 1.0 | 1.92 | 1.7 | 11.3 | 64.0 |
| 7 | MAFN VN30 ETF | MAFM | 12/8/2020 | VN30 | n.a | (1,599) | (7,737) | 23.9 | 16.6 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | I.P.A | 7/28/2021 | VN100 | 1.9 | - | - | 10.2 | 38.4 | 0.9 | 1.81 | 1.6 | 13.0 | 47.8 |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | KIM | 1/6/2022 | VN30TR | 68.9 | 90,650 | 379,627 | 23.5 | 19.8 | 0.9 | 1.93 | 1.7 | 11.3 | 64.2 |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | DCVFM | 9/29/2022 | VNMidcap | 14.3 | - | 48,987 | 22.4 | 24.3 | 0.9 | 1.35 | 1.6 | 18.8 | 44.7 |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | KIM | 11/3/2022 | VNFS | 12.4 | - | - | 28.0 | 19.4 | 1.0 | 2.20 | 1.4 | 8.8 | 71.2 |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | MAFM | 3/2/2023 | VND | n.a | - | - | 33.0 | 19.0 | 1.0 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FPTF | 5/25/2023 | VNX50 | n.a | - | - | -13.4 | 41.8 | 0.1 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 14 | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF | KIMF | 4/24/2024 | VNX50 | 4.1 | n.a | n.a | n.a | n.a | 1.1 | 2.31 | 1.8 | 11.3 | 82.6 |
| 15 | Bao Viet Fund VN Diamond | BVF | 8/11/2023 | VN30 | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 16 | An Binh Fund VN Diamond | ABF | 8/16/2024 | VN30 | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a | 0.2 | n.a | n.a | n.a | n.a |

Nguồn: Bloomberg



Shinhan Securities

# Mạng lưới Shinhan Investment

## SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000



### Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

### Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.

Shinhan Securities